



Câu lạc bộ thơ  
**TÂN HÌNH THỨC**

VẬN ĐỘNG SÁNG TÁC VÀ THẢO LUẬN

Báo Giấy • Tháng 3 năm 2017 • Năm thứ 3 • Số 34

---

## **POETRY JOURNAL IN PRINT • BÁO GIẤY**

*Print it out yourself*

Vietnamese & English Poetry • Tri-Monthly  
Second year • March 2017 • Number 3

Publisher: Tan Hinh Thuc Publishing Club • Santa Ana, California, USA  
[www.thotanhinhthuc.org](http://www.thotanhinhthuc.org)

ISSN: 2475-2274

Contact: Khe Iem, email: [journalinprint@gmail.com](mailto:journalinprint@gmail.com)

Editorial Staff: Diễm Thọ, Khế Iêm, William Noseworthy,  
Phạm Kiều Tùng, Trần Vũ Liên Tâm, Richard Sindt

---

### *About Us*

When we read words on paper in Western-influenced languages, we read in a linear way: from left to right, from top to bottom, line by line, from beginning to end. But reading on the Internet is often done in a non-linear way; web pages usually contain more than one readable item, so the reader is tempted to jump around and not concentrate. When reading web pages, we tend to read more quickly and less deeply than when we read on paper. Báo Giấy (Poetry Journal in Print) seeks to allow both kinds of reading.

The world is becoming ever smaller, and every civilization is reaching out to others because we are all in the same race; human. Humanity requires understanding and peaceful exchanges which will enrich our lives. In the age of the Internet, poetry has become a simple and convenient means to rapidly discover and begin to understand the cultures of many different peoples.

Báo Giấy is non-profit organization, and the Editorial Staff are all working volunteers. If you want to be member of Báo Giấy, please, send us an email.

---

“Thế giới trở nên ngày càng nhỏ hẹp, và mỗi nền văn minh đều vươn tới những nền văn minh khác bởi lẽ tất cả chúng ta đều cùng thuộc một nòi là giống người. Nhân loại cần đến những cuộc trao đổi trên cơ sở thông cảm lẫn nhau và hòa bình để làm phong phú cuộc sống của chúng ta. Trong thời đại Internet, thơ đã trở nên một phương tiện giản đơn và thuận tiện để phát hiện nhanh chóng và bắt đầu hiểu được những nền văn hóa của nhiều dân tộc khác nhau.”

---

---

*Contents / Mục Lục*

---

|                       |                                                                                                          |    |
|-----------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hường Thanh           | <i>Waiting For The Rainy Day / Chờ Ngày Mưa</i>                                                          | 2  |
| Hạnh Ngô              | <i>The Changing Heart / Tâm Biến Đổi</i>                                                                 | 3  |
| Vương Ngọc Minh       | <i>The Very Shallow Sea / Biển Cạn Cột</i>                                                               | 3  |
| Nguyễn Văn Vũ         | <i>The Poor Snow Men / Những Ông Già Tuyết Tội Nghiệp</i>                                                | 5  |
| Nguyễn Thánh Ngã      | <i>The Trash Poem / Bài Thơ Rác</i>                                                                      | 5  |
| Thiên Đăng            | <i>Gia-lai Kontum Or Returning to One's Former Residence /<br/>Gia-Lai Kontum Hay Về Một Chỗ Đã Sống</i> | 6  |
| Gyăng Anh Iên         | <i>Suite Number 5 / Tổ Khúc Thứ 5</i>                                                                    | 7  |
| Frederick Turner      | <i>The Articulate Energy of The Trium /<br/>Sinh Khí Thơ Của Tam Khoa</i>                                | 8  |
| a.d. winans           | <i>Panama Memories / Ký Ức Panama</i>                                                                    | 16 |
| Bill Wolak            | <i>The Lover's Body / Thân Xác Người Yêu</i>                                                             | 16 |
| Phill Provance        | <i>Too Funny / Quá Buồn Cười</i>                                                                         | 17 |
| Corolyn Mary Kleefeld | <i>Sheer Magic / Hoàn Toàn Ma Thuật</i>                                                                  | 18 |
| Lidia Chiarelli       | <i>Times Square</i>                                                                                      | 19 |
| Frederick Feirstein   | <i>Shakespear</i>                                                                                        | 20 |
| Tom Riordan           | <i>Ignorance / Sự Dốt Nát</i>                                                                            |    |

*Huong Thanh*

WAITING FOR THE RAINY DAY

a piece of the barren  
land is in drought, water  
comes into the house, dot  
dot tiny, tiny dots

dots, a piece of the bar-  
ren land, grasses [are] dry,  
the roads [and] people  
people are arching their

heads, waiting for the rain  
to come into the house,  
only dot, tiny dot,  
you and me, me and you,

only dots tiny dots,  
we're arching our heads  
waiting [for] the rain to  
return, the piece of land

[to have] grasses green [that  
are] and grow even if  
there are only dots  
tiny dots.

*Hường Thanh*  
CHỜ NGÀY MƯA

mảnh đất khô mùa  
hạn hán nước điện  
vào nhà chấm chấm  
nhỏ chấm chấm nhỏ

mảnh đất khô cỏ  
khô con đường người  
người cong cái đầu  
chờ mưa vào nhà

chỉ chấm chấm nhỏ  
em và anh anh  
và em chỉ chấm  
chấm nhỏ chúng ta

cong cái đầu chờ  
mưa về mảnh đất  
cỏ xanh rồi mọc  
dù chấm chấm nhỏ.

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

*Hanh Ngo*

THE CHANGING HEART

Yesterday, there was an incident so sad that [I] wanted to meet death, [next] morning thinking about that dismal in-

cident [I] wanted to go in the forest deep, not to face it; just pushing to wash my hair, going to make a

pot of tea, take one sip in to the belly, oh the tea is so good so how can [I] go find death in the deep for-

est, alone by myself in the middle of this morning with leisure wanting to step forward, only at leisure

can we realize our hearts change continuously with no breaks, sadness [and] joy like water falling, thanks to a sip

of lotus tea from dad, [who] purchased it the other day, it has a bit of endearing love ... right dad?

*Vuong Ngoc Minh*

THE VERY SHADOW SEA

I asked the kingfisher, did you see that I was here yesterday, it responded yesterday there wasn't a cloud here at all, oh, just

chasing the sharp peg, I said hmm perhaps you have forgotten already, it responded, I almost toppled down from that sharp peg,

*Hanh Ngo*

TÂM BIẾN ĐỔI

Hồi hôm có một chuyện buồn muốn đi chết buổi sáng nghĩ đến chiến sâu bi đó lại muốn vào rừng

sâu không đối diện với nó thôi ráng đi gội cái đầu ráng đi pha ấm trà uống một ngụm vào

bụng ây da trà quá ngon sao có thể đi chết trong rừng sâu một mình giữa buổi sáng hôm

nay thanh thoi muốn bước tới thanh thoi mới biết tâm mình biến đổi không ngừng nghỉ buồn vui như thác

nước cũng nhờ ngụm trà sen của ba mua bữa trước có bỏ chút tình thân thiết ... phải không ba?

11/9/2014

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

*Vuong Ngoc Minh*

BIÊN CẠN CỘT

Tôi hỏi con chim bói cá mây có thấy tao ở đây hôm qua nó đáp hôm qua chả có đám mây nào ở

đây hết mẹ rượt cái cọc nhọn tôi nói hừm có lẽ nào mây quên rồi ư nó đáp suýt nữa tôi té nhào

I demanded again [and] sharply  
prolonged each word, did you see me  
here yesterday, the kingfisher,  
pausing while thinking, responded,

yesterday you didn't want it like  
that, you must be dreaming, oh, just  
chasing the sharp peg, I said  
perhaps you have forgotten al-

ready, it responded there was  
a crazy man who staked the sharp  
peg [and] called me to stand on it,  
I almost toppled down on my

neck, I glanced at the kingfisher  
[and] demanded sharply [and] prolonged  
each word, yesterday did you see  
me here, as if it was thinking,

the kingfisher responded, yes-  
terday there wasn't anything  
worth remembering, I almost  
toppled down from that sharp peg, I

swept my eyes around, oh, just chas-  
ing the sharp peg, as if the king-  
fisher was tumbling down, I said  
you had never paid attention

to anything, life would never  
have ending stories, it's better  
if you answer me whether you  
saw me have meaning in this life,

yesterday, the kingfisher no  
longer acted as if it was think-  
ing, it answered with reluctance  
I already looked up and saw

clouds countless clouds, yesterday were  
you clouds? I almost toppled down  
and broke my neck!

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

lộn cổ từ cái cọc nhọn  
đấy tôi hỏi lại gần từng  
chữ mày có thấy tao ở  
đây hôm qua con chim bói

cá ra về nghĩ ngợi nó  
đáp hôm qua anh có muốn  
như vậy đâu anh mơ thì  
có mẹ rượt cái cọc nhọn

tôi nói có lẽ nào mày  
quên rồi ư nó đáp có  
một thằng điên cắm cái cọc  
nhọn kêu tôi đứng trên đó

suýt nữa tôi té nhào lộn  
cổ tôi đưa mắt nhìn con  
chim bói cá hỏi gần từng  
chữ hôm qua mày có thấy

tao ở đây ra về nghĩ  
ngợi con chim bói cá đáp  
hôm qua có cái gì đáng  
để nhớ lại chứ suýt nữa

tôi té nhào lộn cổ từ  
cái cọc nhọn đấy tôi đảo  
mắt nhìn quanh mẹ rượt  
cái cọc nhọn con chim bói

cá cứ chực đổ nhào tôi  
nói mày chưa bao giờ chú  
ý đến điều gì cả cuộc  
đời có bao giờ hết chuyện

chứ tốt hơn mày trả lời  
tao là mày có thấy tao  
ở đây nghĩa là trên đời  
này hôm qua con chim bói

cá hết còn ra về nghĩ  
ngợi nó lưỡng lự đáp tôi  
đã nhìn lên đâu thấy mày  
nhiều vô kể có phải hôm

qua anh là mây? suýt nữa  
tôi té nhào lộn cổ đấy!

*Nguyen Van Vu*  
THE POOR SNOW MAN

Noel comes with the sun like  
the beginning of summer,  
or like tonight, the be-  
ginning of a campfire night,

in the middle of Mid-Au-  
tumn full moon night [one] cannot  
think of the act of hanging  
a warm jacket over an

arm, yet [one] must hold the warm  
jacket over the arm, as  
[one] treads, [one] sweats  
with forehead sweat next to the

flint-dried snowy pine tree covered  
in flint-dried snow, it doesn't  
know from where dusty smoke is  
drowned from where wildfires burn from

where holes are pierced in the  
ozone layer to where this  
place the season of Noel  
is returning to the wrong

place, such poor snow men are  
getting cooked in the outfits  
as red as fire and as tight  
as the steaming pot ....

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

*Nguyen Thanh Nga*  
THE TRASH POEM

The wealthy people litter trash,  
the people of poverty toss  
trash, the vehicles move trash, the  
landfills reek in the middle of

the city's heart, the children dig  
trash, it's already a life, eve-  
ryone alike has trash, because  
of trash and trash already had

*Nguyễn Văn Vũ*  
NHỮNG ÔNG GIÀ TUYẾT TỘI NGHIỆP

Nô en đến cùng nắng  
như bắt đầu hè hay  
như tối nay bắt đầu  
một đêm lửa trại giữa

đêm rằm trung thu không  
thể nào nghĩ đến chuyện  
phải vắt chiếc áo ấm  
trên tay thế mà phải

vắt chiếc áo ấm trên  
tay vừa đi vừa rịn  
mồ hôi trán bên những  
cây thông tuyết khô rang

phủ tuyết khô rang không  
biết ở đâu ngập bụi  
khói ở đâu cháy rừng  
ở đâu tầng ô dôn

thùng lỗ mà nơi đây  
mùa Nô en về như  
lộn chỗ thật tội nghiệp  
cho những Ông già tuyết

sắp chín trong những bộ  
đồ đồ như lửa và  
kín như cái nồi hấp ...

*Huế, 25.12.2015*

*Nguyễn Thánh Ngã*  
BÀI THƠ RÁC

Những người giàu xả rác những người  
nghèo ném rác những chiếc xe chở  
rác những hố rác bốc mùi giữa  
lòng thành phố những đứa trẻ bới

rác đã là cuộc sống ai cũng  
có rác vì rác và rác đã  
làm nên cuộc sống và cuộc sống  
phế thải rác đó là điều dĩ

made life and life wastes trash, of course  
that is a fact, certainly and  
naturally that every-  
body already knows, just like

me crinkling a draft paper, throw-  
ing it into the trash basket,  
knowing a poem of trash was just  
born there [and] thrown away, in that

basket filled with trash a trash poem  
never knew that it is trash, it's  
just blatantly disregards it-  
self as trash, in the crowded basket

filled with trash, yet it calls itself  
the king (of trash) until all catch fire

then all scream out together the  
comic song "from ashes return  
to ashes" and just like that the  
comic song just keeps repeating

and repeating while my trash poem keeps  
being the king of trash because the  
wealthy people litter trash, and  
the street children still dig trash ...

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

*Thien Dang*

GIA-LAI KONTUM OR RETURNING TO  
ONE'S FORMER RESIDENCE

If you are recalling an old  
memory then memory is  
just a story [which is] vague,  
a chain that's now simply words,

(the stone which we had hidden be-  
hind, a book which we had read, a  
forest which we had forgotten)  
the words that we many times had

nhiên, hẳn nhiên và tự nhiên mà  
ai cũng biết giống như tôi vò  
một tờ giấy nháp vứt vào sọt  
rác tôi biết trong đó một bài

thơ rác vừa ra đời vừa bị  
vứt đi trong cái sọt đầy rác  
một bài thơ rác không hề biết  
mình là rác nó cứ ngang nhiên

không coi mình là rác trong cái  
sọt chật chội đầy rác mà tự  
xưng mình là vua (các loài rác)  
cho đến khi ngọn lửa bén hơi

thì tất cả cùng thét lên bản  
hài ca "là tro bụi hãy trở  
về tro bụi" và cứ thế bản  
hài ca cứ lặp đi lặp lại

trong khi bài thơ rác của tôi  
cứ làm vua xứ sở rác vì  
những người giàu xả rác và những  
đứa trẻ lang thang vẫn còn bới

rác ...

*Thiên Đăng*

GIA-LAI KON-TUM HAY VỀ MỘT CHỖ ĐÃ  
SỐNG

Nếu nhắc lại một ký ức thì  
ký ức chỉ là một câu chuyện  
mơ hồ một xâu chuỗi bầy giờ  
chỉ thuần là từ ngữ (phiến đá

nào ta trú nấp quyển sách nào  
ta đã đọc cánh rừng nào ta  
đã đi lạc) là những từ ngữ  
bao lần ta gặm nhấm hay lỡ

chewed, or accidentally had forgotten, forgotten a certain time in the hills [where] we had arrived, arrived and then left, (like an

exile life, a nomadic life, finding a place of dying or living) but through them, the words are now immaculate words, we write

down a remembered thought, a thought which has been forgotten.

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

*Gyang Anh Ien*  
SUITE NUMBER 5

Doesn't need the "Gloomy Sunday", but the sky is still morose and overcast like the song of Thai Thinh echoing from the old computer's speakers of a Thursday, the sky still has many clouds as if it couldn't wake him up any earlier, for any joy, so that he's no longer gloomy like this song now unknown of its writer, echoing in the sound of the wind chime hanging besides the empty door.

*Translated into English by Tran Vu Lien Tam*

quên quên một thời nào trên vùng  
đồi ta đã đến đến rồi đi  
(như một cuộc đày ải là cuộc  
du canh du cư đi tìm chỗ

sống cái chết) nhưng xuyên qua chúng  
những từ ngữ bây giờ nguyên vẹn  
là từ ngữ ta ghi lại một  
điều tưởng như vẫn nhớ, tưởng rằng

đã quên.

*Gyang Anh Ien*  
TỔ KHÚC THỨ 5

Không cần một chủ nhật  
buồn thì trời vẫn u  
ám và âm đảm như  
bài ca của Thái Thịnh  
đang vắng vắng trong chiếc  
loa máy tính cũ kĩ  
của một ngày thứ năm  
trời vẫn nhiều mây như  
thế đã không thể đánh  
thức hẳn sớm hơn cho  
bất cứ một niềm vui  
nào để hẳn thôi âm  
đạm như bài ca giờ  
cũng không biết là của  
ai, đang vắng vắng trong  
tiếng phong linh treo bên  
cửa vắng.

## THE ARTICULATE ENERGY OF THE TRIUM

---

### SINH KHÍ THƠ CỦA TAM KHOA

Frederick Turner

**B**y the Trivium of my title, of course, I mean things pertaining to the ancient curriculum—the “three ways”—of grammar, logic, and rhetoric. And the argument I want to make is that we need to reconsider those disciplines as the essential foundations of a poetry that people might actually read and find valuable.

Over the last few years there has been increasing attention to the loss of meter and form in poetry. This discussion of poetic form is important, but it is perhaps even more vital to discuss the issue of the content, matter, and subjects of poetry. The bridge between the one and the other was traditionally the Trivium—how to pack thought and feeling into words, how to achieve articulate energy, an energy of saying something important and exciting with appropriate force and memorability. Grammar gets speaker and hearer on the same page linguistically, establishing the code itself in which the message is sent and received: what things are named. Logic demonstrates the necessity of the relationship between the axioms and evidence adduced in the message and the conclusions drawn from them: how things are known. Rhetoric fleshes out or bodies forth the logic in terms of the senses and passions, calling upon our shared memories and associations as illustrations of the message: how things are communicated. Rhetoric uses the rich idiomatic resources of the language to indicate the most subtle shadings of irony, ambivalence, doubt, regret, ridicule, etc, as appropriate to the discourse; and attracts us to continue listening by its wit, suspense, and charm.

All three elements of the Trivium have been under ideological attack for several decades. Grammar has been suspected of being an arbitrary straitjacket, condemning the mind of

**D**ĩ nhiên, khi đề chữ “Tam Khoa” trong tựa đề, tôi muốn nói đến những thứ liên quan tới chương trình giáo dục cổ điển – “ba phương pháp” – văn phạm, lý luận và tu từ. Và tranh luận tôi muốn đưa ra ở đây là chúng ta cần xem xét lại những môn học này như là nền tảng thiết yếu cho thơ (là thứ thơ) mà người ta có thể thực sự đọc được và nhận thấy có giá trị.

Qua vài năm gần đây, ngày càng có nhiều chú ý đến sự thất thoát của thể và luật trong nghệ thuật thơ. Bàn luận về hình thức thơ thì quan trọng, nhưng có lẽ cốt yếu hơn nữa là bàn luận về nội dung, thực chất, và những chủ đề của thơ. Chiếc cầu nối giữa cái này với cái kia theo truyền thống là Tam Khoa – thế nào để tập hợp tư tưởng và cảm xúc vào trong chữ, thế nào để đạt được sinh khí mạch lạc, một sinh lực nói ra điều gì đó quan trọng và lý thú với một tác động thích hợp và đáng nhớ. Văn phạm đặt người nói và người nghe vào cùng một đẳng cấp ngôn ngữ học, tự nó thiết lập ra mã luật, qua đó, thông điệp được gửi đi và nhận lại: những thứ nào được kể ra. Lý luận biểu lộ tính cần thiết của quan hệ giữa tiên đề và bằng chứng viện dẫn trong thông điệp và kết luận rút ra từ đây: thế nào mà những thứ ấy được biết đến. Tu từ thêm da thêm thịt hay tạo ra thể hình cho lý luận trong điều kiện cảm xúc và đam mê, kêu gọi ký ức kết hợp có chung của chúng ta như là minh họa của thông điệp: thế nào mà các thứ ấy truyền thông với nhau. Tu từ dùng những nguồn đặc ngữ phong phú của ngôn ngữ để vạch ra sắc thái tinh tế của châm biếm, mâu thuẫn, ngờ vực, tiếc nuối, nhạo báng, v.v..., thích hợp với đàm luận; và lôi cuốn chúng ta tiếp tục lắng nghe bởi sự khôn ngoan, hồi hộp, và mê hoặc của nó.

Cả ba yếu tố của Tam Khoa đều nằm dưới sự tấn công ý thức qua nhiều thập niên. Văn phạm cũng bị nghi ngờ là một thứ áo trói chuyên quyền, buộc tâm trí người sử dụng ngôn ngữ phù hợp với tiêu chuẩn



a language user to conformity to the cultural norms of his or her society, subtly embedded in the grammatical rules. Semioticians like Saussure, philosophers like Derrida, linguistic sociologists like McLuhan, anthropologists like Lévi-Strauss, and comparative linguists like Sapir and Whorf have attempted (with the noblest of motives) to undermine our trust in the very codes by which we communicate.

Logic, too, came under attack. To the old Romanticist reproach that logic expressed the reality of the head, not that of the heart, were added further accusations, that logic was a western invention, a colonialist tool, a male phallogocentric instrument of domination, an excuse for market exploitation, a reductionist method of alienation. Foucault went so far as to postulate the radical incommensurability of different hermeneutic systems, different “regimes of power and knowledge,” making any notion of a correspondence between language and a mythical “real world” a shared illusion. Feyerabend and Latour went even further, questioning even the validity of the sciences, trapped in a logical system that could not amend itself.

The attack on Rhetoric is even older, going back to Enlightenment questionings of its place in the expression of pure truths, and Puritan or Jansenist suspicions of its place in true religion. The very term “rhetoric” itself, unless qualified by some such phrase as “the field of rhetoric,” means in ordinary parlance something like “spin,” “verbiage,” or “flim-flam.” Eliot deplored Milton’s rhetoric, Williams demanded “no ideas but in things,” MacLeish declared “a poem should not mean but be.”

In recent years there has begun something of a counter-attack in the world of linguistics and neuroscience against this trashing of the ancient ways to articulate energy. Rather devastatingly, Chomsky showed that under all the grammars of the human world lay a fundamental deep syntax,

văn hóa xã hội của ông hay bà ấy, (bằng cách) khéo léo cài đặt trong những luật tắc văn phạm. Những nhà ký hiệu học như Saussure, những triết gia như Derrida, những nhà xã hội ngôn ngữ học như McLuhan, các nhà khảo cổ học như Lévi-Strauss, và ngôn ngữ đối chiếu học như Sapir và Whorf đã thử (với những lý do cao nhã nhất) để xoáy mòn lòng tin của chúng ta vào chính những mã hiệu mà ta dùng để giao tiếp với nhau.

Lý luận cũng vậy, cũng bị tấn công. Đối với lối tiếp cận Lãng mạn cũ rằng lý luận biểu hiện tính hiện thực của lý trí, không phải của con tim, bị buộc thêm những tội xa hơn nữa, rằng lý luận là một phát minh phương Tây, một công cụ thuộc địa, một phương tiện dương tính của thống trị, một bả chữa cho sự khai thác khuyến mãi, một phương pháp giảm thiểu sự xa lạ hóa. Foucault còn đi xa đến độ đặt ra định đề vô ước tính cấp tiến của những hệ thống chú giải bản văn cổ điển khác nhau, những “chính thể sức mạnh và kiến thức” khác nhau, làm cho bất cứ khái niệm nào về trao đổi giữa ngôn ngữ và “thế giới thật” huyền thoại, thành ảo tưởng. Feyerabend và Latour còn đi xa hơn thế, nghi ngờ ngay cả tính hợp lệ của các ngành khoa học, kẹt trong một hệ thống hợp lý mà tự nó không thể cải thiện.

Sự tấn công vào Tu từ có từ xưa hơn nữa, kể từ những nghi vấn thời Ánh sáng, về chỗ đứng của nó trong diễn tả các sự thực nguyên thủy, và sự ngờ vực của Puritan hay Jansenist về vị trí của nó trong tôn giáo xác thực. Chính tự chữ “tu từ”, trừ khi được định giá bởi vài ba thành ngữ như “ngành tu từ,” có nghĩa, trong lối nói bình thường, là “kể chuyện huyền thuyên,” (spin), “dài dòng” (verbiage), hay “tào lao” (flim-flam). Eliot phàn nàn về tu từ của Milton, Williams đòi hỏi “No ideas but in things,” (Mọi tư tưởng, ý nghĩa tự chúng đã nằm sẵn trong vật thể mà tác giả nhắc đến), MacLeish thì tuyên bố “một bài thơ không nên có nghĩa mà chỉ nên là bài thơ.”

Trong những năm gần đây, bắt đầu có một thứ gọi là phản công trong thế giới ngôn ngữ học và khoa học thần kinh chống lại kiểu vứt bỏ những cách cổ điển này để nói lại sinh khí mạch lạc (articulate energy). Gây ấn tượng hơn nữa, Chomsky cho thấy rằng trong tất cả mọi ngữ pháp của thế giới con người có một cú pháp cơ bản nằm sâu bên dưới, và

and Steven Pinker and others connect this syntax with our shared biological evolution. Thus at one stroke, it seems, two postmodernist shibboleths are demolished. If grammar is a falsifying code, it is shared by all humans at least, and has proven its useful applicability to the real world by the fact that we have survived and thrived by its use. And if humans are by nature grammar-using animals, then the essentialist premise rises eerily from the grave—we do have a nature, and that nature is partly abstract and syntactical.

Likewise, logic has found ways to repulse its enemies, by pointing out through mathematics that many different logics can happily coexist (classical logic, Boolean logic, fuzzy logic, quantum logic, transitive versus intransitive logic, etc) without ceasing to be logics and without barriers to translation at their mutual boundaries. Certainly different parts of the universe (which seems to have got back its privilege of really existing out there) operate according to different logics: but those logics can get along within the same universe of discourse, as they do in the same universe of things.

And rhetoric, too, seems to be making a comeback as something not necessarily pejorative. Under the phrase “the rhetoric of,” it has become at least a neutral term, denoting something like “the art of,” “the culture of,” or even “the charming play of”: as in “the rhetoric of couture/fiction/French cuisine/Black hair styling/auto custom design/religion/rap/democracy,” etc. As advertising (Mad Men), high tech (Jobs, The Social Network) and business (Mr. Selfridge) have become respectable, we have started to recognize the fairly harmless boost to our economy that persuasive presentation can provide. Hip creative writing teachers are even urging their pupils to “sell” their story concept or character or point of view to the reader—and selling in this sense is nothing more or less than rhetoric.

Steven Pinker và những người khác nối kết cú pháp này với sự tiến hóa có chung của chúng ta. Như vậy, chỉ một cú đánh, hình như vậy, hai học thuyết hậu hiện đại lỗi thời này bị hủy diệt. Nếu ngữ pháp là một luật tắc giả tạo, ít ra nó cũng được chia sẻ bởi tất cả con người, và đã chứng tỏ tính áp dụng có lợi của nó trong thế giới thật bởi sự kiện rằng chúng ta đã sống sót và thịnh vượng nhờ vào cách sử dụng nó. Và nếu nhân loại bởi đặc tính tự nhiên là những con vật dùng-ngữ-pháp, thì tiền đề cốt yếu nổi lên từ mồ mã ông cha một cách ớn lạnh rằng - chúng ta có một đặc tính tự nhiên, và rằng đặc tính ấy có phần trừu tượng và cú pháp.

Giống như vậy, lý luận cũng tìm được những cách đẩy lui kẻ thù, như vạch ra theo toán học rằng nhiều lý luận khác nhau có thể cùng hiện hữu một cách hòa đồng (lý luận cổ điển, Boolean lý luận, fuzzy logic, lý luận lượng tử, ngoại lý luận và nội lý luận, v.v...) mà không hề thôi không còn là lý luận và không có chướng ngại chuyển dịch ở những biên giới hồ tương của chúng. Vài ba nơi nào khác trong vũ trụ (dường như đã lấy lại được đặc quyền thật sự hiện hữu ngoài kia) hoạt động tùy theo những lý luận khác nhau: nhưng những lý luận này có thể hòa thuận với nhau trong cùng một vũ trụ đàm luận, giống như chúng đã từng làm thế trong cùng một vũ trụ của các thứ.

Và tu từ, cũng vậy, dường như đang trở lại như là một thứ không cần thiết phải là xấu xa. Dưới cụm từ “tu từ của,” ít ra nó đã biến thành một từ trung tính, bao hàm các thứ như “nghệ thuật của,” “văn hóa của,” hay ngay cả “vở kịch lý thú của” như trong câu “tu từ của thời trang y phục/tiểu thuyết/nấu ăn kiểu Pháp/kiểu tóc người da đen/thiết kế xe theo ý riêng/tôn giáo/rap/dân chủ,” v.v... Như quảng cáo (Mad Men), kỹ thuật cao (Jobs, The Social Network) và kinh doanh (Mr. Selfridge) đã biến thành đáng nể, chúng ta bắt đầu nhận ra những cú đẩy tương đối vô hại cho kinh tế mà trình bày mang tính thuyết phục có thể mang lại. Những thầy cô dạy viết văn cấp tiến còn thúc giục học trò của họ “bán” khái niệm trong truyện hay nhân vật hay quan điểm của mình cho độc giả - và bán ở đây theo cái nghĩa là không có gì nhiều hơn hay ít hơn là tu từ cả.



*From rest and sleep, which but thy  
pictures be,  
Much pleasure; then from thee much  
more must flow,  
And soonest our best men with thee do go,  
Rest of their bones, and soul's delivery.  
Thou art slave to fate, chance, kings,  
and desperate men,  
And dost with poison, war, and  
sickness dwell,  
And poppy or charms can make us sleep  
as well  
And better than thy stroke; why s  
well'st thou then?  
One short sleep past, we wake eternally  
And death shall be no more; Death,  
thou shalt die.*

The poem's succession of commands, subordinate clauses, conditionals, relative pronouns, subjunctives, and temporal markers, ending with a question and another command, encapsulates a whole body of spiritual struggle superimposed upon a long history of theological speculation, and then layered with a multiple coating of ironies, depending on the situation of the reader, the narrator, the poet, and the God whom the poet strives to serve. The complete sequence of the trivium is present: grammar, as we have observed; logic, as exemplified by the pathetic contradictions in the middle of the sonnet (he proves death to be nice, then nasty, then nice, then nasty again), and rhetoric in all the multiple ironies and emotional moves through fear, rationalization, hope, and defiance. And even if we allowed the grammar, the poem would be just a series of preachers' clichés without the implicit drama and the psychological depth implicit in the play of logic and rhetoric. I borrowed Donne's techniques in my own reply to him:

### *To Donne in His Coffin*

*Death is not proud, but patient. He  
can wait,  
For time, and tact, are always on his side.*

*Chết không, Cái Chết tội nghiệp, ngươi  
cũng chưa thể giết tôi.  
An nghỉ và ngủ chỉ là những hình ảnh  
cái chết của ngươi,  
Nhiều lạc thú; từ anh phải tuôn trào nhiều  
hơn,  
Và sớm nhất những người tốt nhất của  
chúng ta sẽ đi với ngươi,  
Thân xác an nghỉ, và linh hồn được giao phó.  
Ngươi là nô lệ của số mệnh, may rủi,  
các vua và bọn liều mạng,  
Và với độc dược, chiến tranh, và bệnh hoạn  
cư ngụ,  
Và thuốc phiện hay bùa mê cũng làm  
ta ngủ vậy  
Và tốt hơn cả cú đánh của ngươi, thế thì  
tại sao ngươi vênh vác?  
Một giấc ngủ ngắn đã qua, chúng ta thức  
mãi mãi  
Và không còn cái chết nào nữa. Cái chết,  
ngươi sẽ chết.*

Chuỗi tiếp nối của bài thơ, của mệnh lệnh, những mệnh đề lệ thuộc, điều kiện, đại từ quan hệ, lối cầu khẩn, và những dấu mốc thời gian, kết thúc bằng một câu hỏi và một mệnh lệnh khác, tóm lược toàn thể thân bài của một phần đầu tâm linh đã đặt chồng lên, suốt cả lịch sử dài của suy đoán thần học, và rồi xếp chồng lên với nhiều lớp châm biếm, tùy theo trường hợp của độc giả, người kể chuyện, nhà thơ, và Thượng Đế mà nhà thơ cố gắng phục vụ. Thứ tự hoàn thành của tam khoa có mặt: ngữ pháp, mà chúng ta đã khảo sát; lý luận, như đã được minh họa bởi những mâu thuẫn đáng thương ở giữa bài thơ (ông chứng minh cái chết là tốt đẹp, rồi kinh tởm, rồi tốt đẹp, rồi lại kinh tởm), và tu từ trong nhiều trớ trêu và tác động cảm xúc đi từ sợ hãi, hợp lý hóa, hy vọng, và bất chấp. Và ngay cả khi chúng ta cho phép ngữ pháp có mặt, bài thơ chỉ là một chuỗi sáo ngữ của 'các nhà truyền giáo' mà không có hàm ẩn bi kịch và hàm ẩn chiều sâu tâm lý trong vở kịch lý luận và tu từ. Tôi đã mượn kỹ thuật của Donne trong bài trả lời của riêng tôi cho ông:

### *Gởi Donne trong Quan Tàì*

*Cái chết không tự hào, mà kiên nhẫn. Hẳn  
có thể đợi,  
Vì thời gian, và xử trí, luôn luôn về phe hẳn.*

*Death's humbleness is famous in debate,  
The fated winner has no need for pride.*

*Let losers ponder what they have in hand,  
What still remains of time and energy:  
No need of a reminder where they stand!--  
They will soon bow to the necessity.*

*Indeed, why take offence at their distress?  
Death pats them on the back when  
they come round.*

*It could be worse—worse would  
be witlessness—  
At least they knew they could not hold  
the ground.*

*Death lets us keep our swords and minds  
his manners,  
Doffing his black hat as we strike  
our banners.*

*(Light: A Quarterly of Light Verse 56-57  
(Spring-Summer 2007) p. 61)*

Following Donne, I had recourse to exactly those idioms and catchphrases that are so often condemned in workshops: “time is on his side,” “famous in debate,” “no need of a reminder,” “have in hand,” “why take offence,” “pat on the back,” “come round,” “it could be worse,” “hold the ground,” “keep your sword,” “mind your manners,” “doffing his hat,” “strike his banners.” I think the whole poem would disappear altogether in such a workshop. It is the poem’s grammar, logic, and rhetoric that gives it what life it has.

Better still, perhaps, is Dana Gioia’s masterly deployment of clichés from advertising and popular culture in his poem “At the Waterfront Café”, from his book *Interrogations at Noon* (Graywolf Press, p.37). Here are some lines:

*Docked beside the quiet river, yachts  
are rocking in the sun  
While their skippers stop for cocktails  
to replay the race they’ve run.*

*Sự khiêm tốn của cái chết nổi tiếng trong  
tranh luận,  
Kẻ chiến thắng bởi số mệnh không  
cần đến kiêu hãnh.*

*Hãy để người thua cân nhắc cái gì họ có  
trong tay,*

*Cái gì còn lại của thời gian và sinh lực:  
Không cần nhắc đến họ đứng nơi nào!—  
Rồi họ sẽ nghiêng chào điều tất yếu.*

*Thật vậy, tại sao lại méch lòng trước  
khôn cùng của họ?*

*Cái chết sẽ vô vai khi họ đến nơi.  
Có thể tệ hơn thế - tệ hơn đấy là không  
có trí khôn –*

*Ít ra họ biết không thể còn chống cự.*

*Cái chết cho phép chúng ta giữ kiém  
của mình và để ý đến thái độ của hắn,  
Ngã mũ đen của hắn trong lúc chúng ta hạ cờ.*

Theo Donne, tôi trông cậy một cách đích xác vào những đặc ngữ và khẩu hiệu thường bị chỉ trích trong các lớp thực tập: “time is on his side,” “famous in debate,” “no need of a reminder,” “have in hand,” “why take offence,” “pat on the back,” “come round,” “it could be worse,” “hold the ground,” “keep your sword,” “mind your manners,” “doffing his hat,” “strike his banners.” Tôi nghĩ rằng cả bài thơ sẽ biến mất trong một thứ lớp thực tập như thế. Chính là ngữ pháp, lý luận và tu từ của bài thơ đã mang lại thứ đời sống nó có.

Có thể, hay hơn nữa, là cách dùng tài giỏi những clichés của Dana Gioia lấy từ văn hóa quảng cáo và phổ thông trong bài thơ “At the Waterfront Café”, trong cuốn *Interrogations at Noon* (Graywolf Press, p. 37). Sau đây là vài câu:

*Cập bên bờ sông êm ả, những chiếc  
thuyền đong đưa dưới nắng  
Trong khi thuyền trưởng ghé uống rượu pha  
và kể lại cuộc đua họ đã tham dự.*

*Military in their khakhis, they invade  
the chic café.  
Smirnoff tinkles in their tumblers.  
No one's drinking Perrier.*

*In the parking lot a valet  
Sunbathes by a sleek Mercedes  
Till he's prodded by a matron  
For directions to the Ladies'.*

*Meanwhile at a dockside table, virginal  
in tennis whites,  
Figuring the least caloric way  
to staunch their appetites,  
Sit two sweaty Junior Leaguers,  
wilting from their one-on-one.  
Stoically they choose the fruitcup  
and a glass of Haut-  
Brion.*

*Meanwhile like great diplomats  
With elegance and statesmanship,  
From the ruins of a luncheon  
Waiters excavate their tip. ...*

This exquisite trochaic confection would be quite impossible without the full resources of the Trivium. Gioia knows what things are called, organizes them together with ruthless logical precision, and rhetorically distributes with them a wealth of subtle and complex feeling and attitude. By the way, the ending of the poem totally reverses any expectation that this poem is the standard politically-correct critique of the wealthy:

*But tonight I hope they prosper,  
Are they shallow? I don't care.  
Jealousy is all too common,  
Style and beauty much too rare.*

Just taking some examples almost at random from poems by contemporary writers who are aware of the resources of the Trivium:

*Now I'm going to define true love.  
Don't worry—I won't go slack or soft,  
it won't*

*Binh lính trong quân phục ka-ki,  
chiếm đóng quán cà phê thời thượng.  
Smirnoff (vodka) leng keng trong ly  
của họ. Không ai uống nước suối Perrier.*

*Trong bãi, người giúp đậu xe  
Phơi nắng bên chiếc Mercedes bóng loáng  
Cho đến khi có khách thúc dậy  
Hỏi đường đến nhà vệ sinh nữ.*

*Trong khi đó ở bàn cạnh bến tàu,  
trình khiết trong giày tennis trắng,  
Suy tính cách nào ít ca lô ri nhất để cầm  
lòng thèm ăn của họ,  
Hai hội viên Thanh Niên dầm mồ hôi, mệt  
rã sau trận đấu một chọi một.  
Kiên cường họ chọn chén trái cây và  
một ly Haut-Brion.*

*Trong khi đó, tựa những nhà ngoại giao lớn  
Vời thanh lịch và nghệ thuật quản lý,  
Từ những tàn tích của một bữa ăn trưa  
Bôi bàn bới lấy tiền buộc bo-a của mình...*

Sự pha chế âm tiết nhấn không nhấn (trochaic) tinh tế này sẽ vô khả thi nếu không có đầy đủ các phương kế Tam Khoa. Gioia biết các thứ gọi là gì, sắp xếp chúng lại với độ chính xác hợp lý một cách đầu ra đó, và phân phối cho chúng sự dồi dào cảm xúc và thái độ tinh tế phức tạp một cách tu từ. Sẵn đây, kết cuộc bài thơ hoàn toàn ngược lại bất cứ mong mỏi nào cho rằng bài thơ này chỉ trích bọn nhà giàu theo đúng tiêu chuẩn chính trị phải đạo (politically-correct):

*Nhưng đêm nay tôi hy vọng họ sẽ phồn vinh,  
Họ có nông cạn không? Mặc kệ.  
Ghen tuông thì quá sức bình thường,  
Phong cách và nét đẹp quá sức hiếm hoi.*

Ta thử lấy vài thí dụ ngẫu nhiên viết bởi các nhà thơ đương đại có đề ý đến các phương kế Tam Khoa:

*Giờ thì tôi sẽ định nghĩa tình yêu chân thật.  
Đừng lo – tôi sẽ không nhu nhược hay  
mềm yếu, đấy sẽ không*

*Be a load of sentimental crap. I don't  
Describe it in terms of the turtle-dove.  
Give me a break. It bubbles up the way  
That lava does, too hot to touch or know,  
For it both burns and makes. Just watch  
it go  
Across the little roads of what we say  
We think we know we are.*

*(from David Rothman's "What Love Is," The  
New Formalist, April 2011 (<[http://thefor-  
malist.org/archives/1233](http://thefor-<br/>malist.org/archives/1233)>)*

The phrase “the little roads of what we say/ We think we know we are” uses the full stretch of recursiveness that for Chomsky constitutes the uniqueness of human grammar, to say something otherwise unsayable. We are something; maybe we know what we are; at least we think we know; or maybe we only say that we think so, but can't be sure that we really do have that belief. And then he runs lava through the whole construction.

Or take these lines from Jan Schreiber's “The Stone Mason:”

*And gradually the thing materializes,  
assumes the shape he'd say he worked  
to build  
although the details harbor some surprises  
and there are places where he'd say  
he failed.*

*(in The Poem Tree: An Online Poetry Anthology <http://www.poemtree.com/poems/StoneMason.htm>)*

Like Rothman, he plays with the difference between “worked to build that shape” and “say he worked to build that shape,” and adds the marvelous ambiguity of “would” as in the repeated phrase “he'd say.” Is it that he was always in the habit of saying (“would say”) that it was intentional, or that of course he “would say” that, or have to admit that the whole thing came about more or less by chance and circumstances—or is it that while building he decides that in his future account of his work he was going to explain (“would say”) it in such and such a way?

*(Be continued)*

*Là một đống tào lao ủy mị. Tôi không  
Miêu tả nó bằng biểu tượng an bình.  
Cho tôi một cơ hội. Nó sôi bọt lên  
Loại dung nham đỏ, quá nóng để sờ hay biết,  
Bởi vì nó vừa đốt vừa tạo ra. Chỉ nên  
nhìn nó đi  
Qua những con đường nhỏ của điều  
chúng ta nói  
Chúng ta nghĩ rằng mình biết mình là đây.*

Cụm từ “the little roads of what we say/We think we know we are” dùng nguyên cả nghĩa rộng của tính đệ quy đối với Chomsky chỉ định tính đặc thù của ngữ pháp nhân loại, để nói đến một thứ gì đó không thể nói được. Chúng ta là thứ gì đó; có lẽ chúng ta biết mình là cái gì; ít ra chúng ta nghĩ rằng mình biết; hay có thể chúng ta chỉ nói rằng chúng ta nghĩ vậy, nhưng không thể chắc được rằng mình thật sự có niềm tin đó. Và rồi ông dẫn dung nham chảy qua suốt cả cơ cấu (bài thơ).

Hay thử lấy những câu này trong “The Stone Mason” của Jan Schreiber:

*Và từ từ thứ ấy thành hình,  
nhận lấy thể hình mà ông nói ông  
đã làm để dựng ra  
mặc dù chi tiết ẩn chứa vài ngạc nhiên nào đó  
và có những chỗ ông nói rằng ông đã thất bại.*

Giống như Rothman, ông đùa với sự khác biệt giữa “worked to build that shape” và “say he worked to build that shape,” và thêm vào đây sự mơ hồ của “would” trong những cụm từ lặp lại “he'd say.” Có phải ông luôn luôn có thói quen nói rằng (“would say”) đây là cố tình, hay dĩ nhiên đây là ông “would say”, hay phải nhìn nhận rằng toàn thể thứ đó ít nhiều được thành hình bởi ngẫu nhiên và hoàn cảnh – hay đây là trong lúc xây dựng ông quyết định rằng bản tường trình tương lai của mình về công việc mà ông sẽ giải thích (“would say”) nó bằng cách này và cách này?

*Điểm Thọ chuyển dịch*

*Còn nữa)*

*a.d. winans*

PANAMA MEMORIES

The young Panamanian girl  
sitting alongside her sister  
in slip and bare feet  
reading a comic book

chewing on bubble gum  
at a brothel called The Teenage Club  
waiting for the first GI's to arrive

six girls lined-up like bowling pins  
rooted to their chairs  
with zombie like stares  
doing a woman's thing inside  
a child's body

*a.d. winans* has published 65 books and chap-  
books of poetry and prose. He edited and pub-  
lished Second Coming Press for 17 years. He  
appeared in the film, *When I Die I Won't Stay  
Dead*, a documentary on the life of the Beat  
poet Bob Kaufman.

*Bill Wolak*

THE LOVER'S BODY

May your hands  
reach beyond dreams  
where moonlight  
awakens as flesh.

May your kisses  
seep deeper than rain  
into the body's  
pink crossroads.

May your fingers  
touch the unexpected  
always with the thrill  
of loving.

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

*a.d. winans*

KÝ ỨC PANAMA

Cô gái trẻ người Panama  
ngồi kế bên chị trong  
cái áo choàng và chân trần  
đang đọc cuốn sách hài hước

nhai kẹo cao su trước một nhà chứa  
được gọi là Câu Lạc Bộ Tuổi Teen  
đợi người lính Mỹ đầu tiên của cô tới

sáu cô gái ngồi dán chặt trên  
những chiếc ghế ngay hàng thẳng lối  
với cái nhìn lạc thần đang làm  
công việc của người đàn bà trong  
thân xác tuổi vị thành niên

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

*a. d. wnans* đã xuất bản 65 tác phẩm về thơ và  
văn xuôi, biên tập và xuất bản Second Coming  
Press trong 17 năm. Ông xuất hiện trong phim  
tài liệu, *When I Die I Won't Stay Dead*, về nhà  
thơ Beat, Bob Kaufman.

*Bill Wolak*

THÂN XÁC NGƯỜI YÊU

Có thể tay em với  
qua bên kia những giấc  
mơ nơi ánh trăng được  
đánh thức như da thịt

Có thể nụ hôn em  
thắm thâu sâu hơn cơn  
mưa bên trong chỗ giao  
điểm hồng của cơ thể.

Có thể những ngón tay  
em chạm tới những gì  
không mong đợi luôn luôn  
với sự rộn ràng của

tình yêu.

*\* Tác giả so sánh ánh trăng cũng như da thịt  
con người được đánh thức từ những giấc mơ.*



**Bill Wolak** is a poet who lives in New Jersey and teaches Creative Writing at William Paterson University. He has just published his thirteenth collection of poetry entitled *Love Opens the Hands*.

**Bill Wolak** sống ở New Jersey và dạy Sáng tác ở đại học William Paterson. *Love Opens the Hands* là tập thơ thứ 13 của ông.

*Phill Provance*  
TOO FUNNY

*Phill Provance*  
QUÁ BUỒN CƯỜI

*after Jean Follain*

*sau Jean Follain*

Drunk one morning  
beneath the sallow night  
the teacher fell asleep  
on a massage bed at his gym  
the warm jets of water  
nuzzling his muscles  
and prying at his bones  
with delicate fingers.  
He slept there three hours  
with not a soul to wake him  
then drove home soberly  
fleeing a migraine.  
His story now finished  
the blonde waitress frowns  
at tumblers and jiggers  
arrayed like small houses  
while huddled adjacent  
his painter friend howls  
till tears swarm his eyes  
like skylarks.

Người giáo viên say từ hừng  
đông tới hết buổi sáng hần  
ngủ gục trong bồn tắm ở  
phòng thể dục những tia nước  
ấm rúc vào thớ thịt và  
những ngón tay mềm tọc mạch  
vào xương cốt hần ngủ mê  
mệt sau đó say khướt về  
nhà cơn đau nửa đầu biến  
mất. Câu chuyện của hần đến  
đây chấm dứt. Cô hầu bàn  
tóc vàng cau có trước những  
chiếc cốc lớn nhỏ xếp đùn  
cục như những ngôi nhà nhỏ  
người bạn họa sĩ của hần  
hú cho đến khi nước mắt  
dàn dựa như bầy chim chiền  
chiện.

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

**Phill Provance's** work has appeared or is forthcoming in *The Baltimore Sun*, *Orbis*, *Vine Leaves*, *Cha*, *Noctua*, *Arsenic Lobster*, *The Axe Factory Review* and many others. He is also the author of *MediaTier Ltd.'s The Adventures of Ace Hoyle*, and in 2011, Cy Gist Press published his first poetry chapbook, *The Day the Sun Rolled Out of the Sky*.

**Phill Provance:** Thơ ông đã và sắp xuất hiện trên *The Baltimore Sun*, *Orbis*, *Vine Leaves*, *Cha*, *Noctua*, *Arsenic Lobster*, *The Axe Factory Review* và nhiều tạp chí văn học khác. Tác phẩm: *The Adventures of Ace Hoyle*. Tập thơ đầu tay của ông *The Day the Sun Rolled Out of the Sky* được xuất bản năm 2011.

*Lidia Chiarelli*  
TIMES SQUARE

Switch on  
switch on once more  
lights at Times Square.

Switch on for me  
in my last night in New York.

The hot air in the streets is a gentle cloak  
that wraps me up.

Like windmills moving and moving  
don't stop your dance.

Let my eyes get lost  
again  
into your  
whirl  
so sweet  
so intoxicating.

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

**Lidia Chiarelli** (Torino, Italy). Artist and poet, co-founder, with Aeronwy Thomas, of the art-literary *Movement Imagine & Poesia* (2007). Lidia's passion for creative writing (started when she was a school teacher) has motivated her to write poetry and she has become an award winning poet since 2011.

*Carolyn Mary Kleefeld*  
SHEER MAGIC

*for DC*

Aroused by  
your tender embrace,  
I bloom like sheer magic  
orchestrated by the divine.

Like quintessential chords,  
we merge, dancing  
in the shifting light,  
wondrous to behold.

*Lidia Chiarelli*  
TIMES SQUARE

Bật lên  
bật lên một lần nữa  
ánh sáng ở Times Square

Bật lên vì tôi  
trong đêm cuối cùng ở New York

Không khí nóng trên đường phố là chiếc áo choàng  
choàng lấy tôi

Như những cối xay gió chuyển động và chuyển động  
đừng dừng lại cuộc nhảy múa của anh

Hãy để mắt tôi thất lạc  
lần nữa  
trong cơn  
cuồng quay của anh  
sao mà ngọt ngào  
sao mà say sưa

**Lidia Chiarelli** (Torino, Italy), nghệ sĩ và nhà thơ, đồng sáng lập, với Aeronwy Thomas, phong trào văn học nghệ thuật *Imagine & Poesia* (2007). Sự đam mê sáng tác khi bà dạy học đã thúc đẩy bà làm thơ và trở thành nhà thơ đoạt giải từ năm 2011.

*Carolyn Mary Kleefeld*  
HOÀN TOÀN MA THUẬT

*for DC*

Đánh thức bởi  
vòng tay ôm dịu dàng của  
anh, tôi bùng nổ như ma  
thuật hòa âm bởi thánh thần.

Như những hợp âm tinh túy  
chúng tôi hòa nhập, nhảy múa  
trong ánh sáng thay đổi,  
nhìn ngắm đèn dị thường.

Our sublime moments unfurl  
in an exotic twirl,  
as we emit the musk of all lovers  
lost beyond time.

Những khoảnh khắc thăng hoa  
trải ra trong vòng xoáy lạ kỳ  
đương khi chúng tôi tỏa ra mùi xạ hương của những  
người yêu nhau mất đi không thể tìm lại.

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

This poem is published in “The Divine Kiss: An Exhibit of Paintings and Poems in honor of David Campagna” Cross-Cultural Communications, NY, The Seventh Quarry Press, Wales 2014.

Bài thơ được in đăng trong “The Divine Kiss: An Exhibit of Paintings and Poems in honor of David Campagna” Cross-Cultural Communications, NY, The Seventh Quarry Press, Wales 2014.

*Frederick Feirstein*  
SHAKESPEARE

If I could live a Muslim cabbie’s day  
Driving in traffic, parking at noon to pray  
In 96th Street’s Mosque, I’d stop to chat  
With vendors hawking fruit, pashminas, books  
Even about my centuries of fame;  
If I could be a New York City hack  
I’d give up every sonnet, every play,  
Not in disgrace with men’s eyes, not in shame  
For just one sandwich stuffed with sizzling fat  
Plump Falstaff in a greasy apron cooks,  
I’d take blank time, not scripted Fortune, back.

*Frederick Feirstein*  
SHAKESPEARE

Nếu tôi có thể sống một ngày của  
Người tài xế taxi đạo Hồi lái  
Trong lúc đông xe, ngừng lại buổi trưa  
Cầu nguyện tại Thánh đường Hồi giáo đường  
96, tán gẫu với những người bán  
Trái cây lẻ, khăn trùm đầu, sách, ngay  
Cả hàng thế kỷ tăm tiếng của tôi;  
Nếu tôi có thể là người tài xế  
Taxi ở thành phố New York, tôi  
Sẽ từ bỏ mỗi bài thơ, mỗi vở  
Kịch, không được trọng vọng dưới mắt mọi  
Người, không xấu hổ với chỉ một chiếc  
Bánh sandwich nhét đầy mỡ nóng do  
Falstaff béo tròn mặc chiếc tạp dề  
Dính dầu mỡ làm, tôi chọn một tương  
Lai mở, không phải thứ tương lai tiền  
Định, ngược đời.

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

**Frederick Feirstein** is a playwright with a dozen New York productions. His first play, *Simon and the Shoeshine Boy*, was first produced at the Chelsea Theater Center. He also writes film and television. Frederick Feirstein has had eight books of poetry published. His first, *Survivors*, was selected as one of the two Outstanding Books of the year by the American Library Association. He was co-founder of the Expansive Poetry movement and originated the Barnes & Noble reading series.

\* *Sir John Falstaff* là nhân vật trong kịch *William Shakespear*.

**Frederick Feirstein** là kịch tác gia, đã có cả mười hai vở được diễn ở New York. Vở kịch đầu tiên của ông, *Simon Và Cậu Bé Đánh Giày*. Ông cũng viết kịch bản phim và truyền hình. Frederick Feirstein đã cho xuất bản tám tập thơ. Tập thơ đầu tay, *Những Người Sống Sốt*, được hiệp hội thư viện Mỹ bình chọn là một trong hai cuốn sách xuất sắc nhất trong năm. Ông là người đồng sáng lập phong trào *Thơ Mở Rộng* và là người tạo ra chương trình đọc sách của nhà Barnes & Noble.

Tom Riordan  
IGNORANCE

We had heard predictions  
old wives' tales  
urban legends  
and the rants of lunatics  
    but when it actually came  
    there was no way  
    to describe  
    much less allay our terror  
The invasion so massive  
and so wholly alien  
so unremitting  
cold and frenzy driven  
    erasing everything  
    humankind had ever built  
    known in the past  
    dreamed as a future  
No tools to fight it  
idea of its origin  
or clue to its intent  
beyond entombing us  
    we gave in to hysteria  
    we fled until we fell  
    because we didn't know  
    what snow was

*Translated into Vietnamese by Khe Iem*

**Tom Riordan** lives in New Jersey in the U.S. He teaches English, runs the Environment Commission in his town, and writes.

Tom Riordan  
SỰ ĐỐT NÁT

Chúng ta đã nghe những lời tiên  
tri chuyện những người vợ già những  
truyền thuyết phố thị những lời huyền  
hoang của kẻ mất trí  
    nhưng khi nó thật sự đến không  
    có cách nào để diễn đạt  
    càng không có cách nào để  
    giảm bớt sự kinh hãi của chúng ta  
sự xâm lấn quá ồ ạt  
và hoàn toàn quá xa lạ  
không ngừng nghỉ lạnh giá và  
tới mức điên cuồng  
    xóa bỏ mọi thứ  
    loài người từng lập nên  
    biết trong quá khứ  
    mơ như một tương lai  
không có công cụ để chống lại nó  
không có ý tưởng về nguồn cội nó  
không có manh mối về ý định nó  
hơn là chôn chúng ta xuống mộ  
    chúng ta chịu thua sự cuồng loạn  
    chúng ta chạy trốn cho tới khi ngã xuống  
    bởi vì chúng ta không biết  
    tuyệt là gì

*\* Chúng ta không có những hiểu biết về tuyết nên không biết điều gì đã xảy ra.*

**Tom Riordan** sống ở tiểu bang New Jersey. Ông dạy Anh ngữ, điều hành Ủy Ban Môi Trường trong thị xã, và viết.